TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 12/2022/DS-ST Ngày: 18-4-2022 *V/v* " *Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Từ Thanh Hải

2/ Ông Cao Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu– Thư ký tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022, về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp T, xã Thạnh phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1989 (có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị D trình bày: Từ năm 2018 bà Dương Thị T tham gia chơi nhiều dây hụi do bà Trần Thị T làm chủ hụi, trong quá trình chơi hụi thì bà Trần Thị T tuyên bố vỡ hụi và thỏa thuận chốt nợ. Cụ thể, dây hụi 2.000.000 đồng chốt lại bà T nhận nợ với bà T số tiền 37.000.000 đồng;

dây hụi 3.000.000 đồng chốt lại bà T nợ bà T số tiền 37.500.000 đồng; dây hụi 500.000 đồng chốt lại bà T nợ bà T số tiền 48.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ những chân hụi trên là 122.500.000 đồng, sau khi cấn trừ các khoản vào ngày 11/6/2019 bà T với bà T cùng thống nhất số tiền hụi mà bà T phải trả cho bà T là 134.000.000 đồng. Khoảng tiền nợ này vợ chồng bà T, ông Ph cam kết trả mỗi tháng là 2.680.000 đồng. Tuy nhiên, phía bà T, ông Ph chỉ trả được số tiền 8.040.000 đồng thì không chịu trả nữa, hiện bà T, ông Ph còn nợ bà T số tiền hụi là 125.960.000 đồng. Ngoài ra bà T còn mua cho bà T một chân hụi tuần với 43 người, tiền đóng 01 lần, đóng sống 39 lần và đóng chết số tiền 500.000 đồng đóng được 04 lần với số tiền 17.600.000 đồng, sau khi thống nhất bà T hứa trả mỗi tháng 500.000 đồng cho bà T, bà T trả được 19 lần số tiền 9.500.000 đồng, bà T còn nợ dây hụi này là 8.100.000 đồng. Đối với chân hụi tuần 16 người tham gia với số tiền 400.000 đồng, bà T đóng được 6.200.000 đồng. Chân hụi tháng 600.000 đồng có 20 người tham gia, bà T đóng được 9 lần với số tiền 5.150.000 đồng. Tổng số tiền 02 chân hụi mùa và hụi tháng bà T đóng là 11.400.000 đồng, bà T đã trả được 7.000.000 đồng còn nợ bà T 4.400.000 đồng. Ngoài nợ các chân hụi bà T còn vay tiền của bà T số tiền 25.200.000 đồng vào ngày 16/02/2019, bà T chỉ trả được 10.000.000 đồng, còn nợ 15.200.000 đồng. Nay bà Dương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị T phải trả số tiền nợ hụi và tiền vay với tổng số tiền 153.660.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Trần Thị T: Được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hòa giải, phiên hợp công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn Ph được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hòa giải, phiên hợp công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

2. ***Chị Trần Thị D qua bản tự khai và tại phiên Tòa trình bày***: Chị Trần Thị D là con ruột của bà Dương Thị T. Trước đây, bà T có cho bà T vay số tiền 25.200.000 đồng, do bà T cũng lớn tuổi nên bà T có đưa cho chị D số tiền 25.200.000 đồng để chị D đưa cho bà T vay, do chị D đưa tiền nên biên nhận có ghi là chị D cho bà T vay nhưng trên thực tế đây là tiền của bà T là mẹ của chị D cho bà T vay. Bà T đã thanh toán được số tiền 10.000.000 đồng cho bà T, hiện bà T còn nợ bà T số tiền 15.200.000 đồng. Nay chị D thống nhất để bà T khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền 15.200.000 đồng, chị D không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ theo hợp đồng góp hụi và theo hợp đồng vay tài sản đây là tranh chấp về dân sự quan hệ pháp luật được xác định "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản". Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét Bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Ph được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hòa giải, phiên hợp công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét thấy, quá trình nguyên đơn và bị đơn thực hiện các giao dịch góp hụi có lập sổ hụi và có chốt khoản tiền hụi mỗi chân cụ thể. Quá trình hụi bị vỡ giữa nguyên đơn và bị đơn cũng có lập biên bản đối chiếu nợ và ký xác nhận nợ với nhau như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình nhận nợ với nguyên đơn thì bị đơn có trả được một phần nợ, việc này do nguyên đơn thừa nhận và tự cấn trừ cho bị đơn chứ các bên không có lập biên bản về việc trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn, xét đây là quyền định đoạt của đương sự có lợi cho bị đơn nên Tòa án chấp nhận. Căn cứ trên các biên nhận thừa nhận nợ tiền hụi của bị đơn đối với nguyên đơn về quá trình góp hụi Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi với bị đơn.

[3] Đối với khoản tiền vay 25.200.000 đồng vào ngày 16/02/2019 bà T đã trả được 10.000.000 đồng cho bà T, phần còn lại 15.200.000 đồng phía nguyên đơn yêu cầu bà T trả gốc không tính lãi. Xét khoản vay này tuy chị Trần Thị D là người đứng ra ký nhận với bà T nhưng trên thực tế là tiền của bà T đưa cho chị D để chị D giao cho bà T. Nay giữa chị D và bà T thống nhất chuyển giao quyền yêu cầu cho bà T thực hiện quyền đòi nợ đối với bà T là phù hợp. Xét khoản tiền vay này phía bị đơn có lập biên nhận nợ nhưng khi trả nợ 10.000.000 đồng cho nguyên đơn thì bị đơn cũng không lập biên nhận trả tiền, nay nguyên đơn tự nguyện khấu trừ và không tính lãi là có lợi cho bị đơn nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn.

[4] Xét về yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Trần Văn Ph phải có nghĩa vụ liên đới với bà Trần Thị T trong việc trả nợ hụi và vay tài sản. Tại Tòa đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu buộc ông Ph liên đới trả nợ nên Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Từ các Ph tích trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Trần Thị T phải trả số tiền nợ theo hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền 153.660.000 đồng.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 4; Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 365; Điều 367; Điều 463; Điều 464; Điều 465; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản đối với bà Trần Thị T.

2. Buộc bà Trần Thị T phải trả cho bà Dương Thị T tổng số tiền nợ hụi và nợ vay là 153.660.000 đồng.

3. Lãi suất chậm thi hành án: Kể từ khi các bên có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa chậm thanh toán số tiền phải thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp số tiền 7.683.000 đồng. Nguyên đơn thuộc diện miễn nộp án phí.

5. Tuyên án công khai nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hay niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND H Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Khoa